

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/02/2022

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diên; Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên
tòa:* Ông Phan Văn Sinh - kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 về tranh chấp “chia tài sản chung sau ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông L Q C - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q N , huyện C T, tỉnh L Đ.

Bị đơn: Bà N T N – Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, TT CT, huyện C T, tỉnh L Đ.

Người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan:

Chi cục thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh L Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông V K T – Chi cục trưởng chi cục THA

Địa chỉ: TDP 13, TT Cát Tiên, Cát Tiên, L .

Ông L M N – Sinh năm 1994

Bà L T T T – Sinh năm 2000

Đều Địa chỉ: Tổ dân phố 8, TT C T, huyện C T, tỉnh L Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2021. Nguyên đơn ông L Q C trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2020 ông và bà N TN thuận tình ly được Tòa án công nhận tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà N, nuôi con chung, chia công nợ chung. Sau ly hôn cả hai đã bán diện tích nhà đất thanh toán khoản nợ chung. Riêng phần tài sản chung tự thỏa thuận, lập văn bản thỏa thuận ngày 04/9/2020 chia tài sản như sau: Bà N quản lý tài sản gồm 01 căn nhà cấp bốn trên diện tích đất tại thửa 388 tờ bản đồ số 30 diện tích 150m² địa chỉ tổ dân phố 8, thị Trấn C T và thửa đất 642 diện tích 3285m² địa chỉ Q N (thửa đất 642 được ông và bà Nga cấp đổi từ thửa 312, 311, 332 ngày 23/12/2020) cho bà N sử dụng và quản lý 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Phần ông quản lý sử dụng tài sản gồm thửa đất 284, thửa 314, thửa 518, trên đất nhà cấp 4, công trình phụ, nhà máy xay lúa (03 thửa đất sử dụng liền kề nhau tại xã Quảng Ngãi). Tuy nhiên việc thỏa thuận sau khi ly hôn của cả hai từ đó đến nay sử dụng ổn định lâu dài nhưng khi thực hiện việc làm thủ tục để sang tên đổi chủ theo thỏa thuận thì bà N gây khó khăn không đi làm thủ tục để sang tên đổi chủ. Vì vậy yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm các thửa đất 284, 314, 518, 388, 642 và tài sản trên đất gồm nhà và công trình phụ, nhà máy xay xát lúa.

Tại văn bản lấy lời khai ngày 16/11/2021 bị đơn bà N trình bày Tòa án thông báo gửi nhiều văn bản về việc yêu cầu chia tài sản chung nhưng từ chối không nhận văn bản vì lý do còn liên quan vụ việc thi hành án đối với vụ án L H Nhỏ chứa nước T Ng đang thi hành tại chi cục thi hành án dân sự, bà yêu cầu chia tài sản đều cho các con. Hiện nay bà đang quản lý sử dụng nhà đất tại tổ dân phố 8 và thửa 642 khoảng hơn 3200m² (bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 388 và thửa 642) còn những tài sản khác ông C đang quản lý sử dụng, bà chờ chi cục thi hành án giải quyết xong mới ra Tòa. Bà N trình bày nhưng không ký vào văn bản.

Tại bản lấy lời khai ngày 16/11/2021 ông LMN (con ông C và bà N) trình bày việc yêu cầu chia tài sản chung của ông C gồm 05 thửa đất là tài sản chung của ông C, bà N chia đều cho các con. Ông không yêu cầu khởi kiện, không tham gia vụ án chỉ ý kiến trình bày quan điểm.

Bà L T T T (con ông C và bà N) không có ý kiến về việc yêu cầu chia tài sản chung của bố mẹ, không tham gia và làm việc tại Tòa.

Tại các bản tự khai và lấy lời khai ông C trình bày: Ông yêu cầu chia tài sản do ông và bà N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị nhận phần tài sản ông đang quản lý sử dụng theo như thỏa thuận từ sau khi ly hôn gồm: Thửa đất 284 tờ bản đồ số 10 trên đất có 01 nhà máy xay xát lúa; Thửa đất 518 tờ bản đồ số 10 diện tích 300m² trên đất có nhà cấp 4; Thửa đất 314 tờ bản đồ số 10 diện tích 1573m² (trong đó thu hồi 29,7m²) đất trồng lúa, địa chỉ các thửa đất tại Quảng Ngãi, Cát Tiên, Lâm Đồng (ông đang quản lý 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa 284, 518, 314). Đề nghị Giao bà Nga quản lý sử dụng 01 căn nhà cấp 04 trên thửa đất 388 tờ bản đồ số 30 diện tích 150m² địa chỉ tổ dân phố 8 và 01 thửa đất 642 tờ bản đồ số 10 diện tích 3285m² đất trồng lúa địa chỉ xã Quảng Ngãi. Đối với phần tài sản ông yêu cầu nhận nếu giá trị

tài sản nhiều hơn giá trị bà Nga nhận thì ông thanh toán lại số tiền chênh lệch cho bà Nga, nếu bà N nhiều hơn giá trị tài sản của ông thì ông không yêu cầu phải thanh toán lại, đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản ông tự nguyện chịu. Riêng 16 cây gỗ xưa trên đất không có giá trị không yêu cầu định giá và chia; 02 nhà kho và nhà xây lú ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là tài sản ông xây dựng năm 2021 sau ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản số 184/CCTHADS ngày 19/11/2021 về việc ý kiến phân chia tài sản sau ly hôn đối với ông L Q C và bà N T N: Căn cứ vào bản án hình sự số 16/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, Bản án số 138/2020/HS-PT ngày 21/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định thi hành án số 134/QĐ-CCTHADS ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án huyện Cát Tiên. Ông Lê Quang Cảnh và bà N TN có nghĩa vụ liên đới thi hành hoàn trả số tiền 395.675.000đ cho ban quản lý đầu tư xây dựng công trình công cộng Cát Tiên để sung quỹ nhà nước trong đó ông C là 197.837.500 đồng và bà Nga 197.837.500 đồng; Ngày 22/6/2021 chi cục làm việc với ông C, ông Cảnh đề nghị đề ông và bà N chia tài sản chung sau ly hôn. Chi cục đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông Ch và bà N theo quy định pháp luật. Sau khi chia tài sản xong, ông L Q C và bà Thị Nga trường hợp không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự tiến hành kê biên phân tài sản của ông C và bà N để thi hành án.

Kết quả thẩm định và định giá tài sản:

Tài sản đất và tài sản trên đất tại xã Quảng Ngãi: Thửa 284 diện tích 400m², đất ở nông thôn 300m² đất trồng lúa nước 100m² giá trị thị trường 490.000.000đ; Thửa đất 518 tờ bản đồ số 03 diện tích 300m² trong đó đất ở nông thôn 100m² đất trồng lúa nước 200m² có giá trị thị trường 350.000.000đ; Thửa đất 314 tờ bản đồ số 03 diện tích 1.543,3m² trị giá 57.102.000đ; Thửa đất 642, tờ bản đồ số 10 diện tích 3285m² đất trồng lúa còn lại trị giá thị trường 121.545.000đ. Địa chỉ các thửa đất thôn Nghĩa Thịnh, xã Tư Nghĩa nay là thôn 3 Quảng Ngãi Cát Tiên, Lâm Đồng; Tài sản nhà trên đất thửa 284, thửa 518, thửa 314 và công trình phụ xây dựng năm 2011 giá trị còn lại 28.033.296đ; 01 hệ thống xay xát lúa giá trị còn lại 25.000.000đ. “Đối với 16 cây gỗ xưa trên đất không yêu cầu định giá; Nhà kho 1, nhà kho 2, nhà xây lú xây dựng năm 2021 giá trị 238.047.520 trên đất tại thửa 314 ông cảnh không yêu cầu”.

Tài sản đất và tài sản trên đất tại tổ dân phố 8, thị trấn Cát Tiên:

Thửa đất số 388 tờ bản đồ số 30 diện tích 150m² đất ở đô thị số sổ BI756823 do ủy ban nhân dân huyện cấp có giá trị thị trường 750.000.000đ; Tài sản trên đất 01 căn nhà cấp bốn và công trình phụ có giá trị còn lại 101.906.752đ

Tại phiên tòa:

Ông L Q C yêu cầu chia tài sản chung gồm nhà và đất cho ông theo như ông đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật nguyên đơn, đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Về quan hệ tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Quang Cảnh.

Giao cho ông L Q C quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất 284; thửa 518, thửa đất 314, giá trị tài sản là 950.135.396đ (chín trăm năm mươi triệu một trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Giao cho bà N T N thửa đất 642; thửa 388 và tài sản trên đất có giá trị là 973.451.725đ (chín trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm năm mươi một ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Về án phí: Ông C và bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (chia tài sản chung sau khi ly hôn) bị đơn bà N T N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 8, thị trấn CT, huyện Ct T, Lâm Đồng; Tài sản đất và tài sản trên đất tại địa chỉ tổ dân phố 8, thị trấn C T, tại xã Quảng Ngãi huyện Cát Tiên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà N T N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[3] Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên công nhận thuận tình ly hôn giữa ông C, bà N; Giao con chung; Cấp dưỡng nuôi con; chia công nợ chung ông C và bà N có nghĩa vụ thanh toán. Riêng đối với tài sản chung chưa giải quyết.

[4] Về tài sản chung đất và tài sản trên đất: Qua thẩm định, định giá tài sản chung của ông Cảnh và bà Nga cụ thể:

Đất và tài sản trên đất ông C đang sử dụng thửa đất 284, tờ bản đồ số 10, số sổ BI756517 cấp ngày 10/5/2012 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp diện tích 400m² đất ở nông thôn 300m² đất trồng lúa nước 100m² giá trị thị 490.000.000đ; Thửa đất 518 tờ bản đồ số 10 diện tích 300m² trong đó đất ở nông thôn 100m² đất trồng lúa nước 200m² số sổ BN718532 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp ngày 01/6/2013 có giá trị thị trường 350.000.000đ; Thửa đất 314 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.543,3m² đất trồng lúa nước số sổ BI 756516 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp ngày 10/5/2012 giá trị 57.102.100đ. Địa chỉ thôn nghĩa thịnh, xã Tư Nghĩa nay là thôn 3, Quảng Ngãi, Cát Tiên, Lâm Đồng và tài sản nhà trên đất nêu trên gồm 01 căn nhà, công trình phụ xây dựng năm 2011 giá trị còn lại 28.033.296đ; 01 hệ thống xay sát lúa giá trị còn lại 25.000.000đ.

Đất và tài sản trên đất bà N đang sử dụng: Thửa đất 642, tờ bản đồ số 10 diện tích 3285m² đất trồng lúa còn lại số sổ DA827820 do sở tài nguyên môi trường cấp ngày 23/12/2020 (hợp từ các thửa 312, 311, 332) địa chỉ xã Quảng Ngãi, Cát Tiên, Lâm Đồng có giá trị thị trường 121.545.000đ; Thửa đất số 388 tờ bản đồ số 30 diện tích 150m² đất ở đô thị số sổ BI756823 do ủy ban nhân dân huyện cấp có giá trị thị trường 750.000.000đ, tài sản trên đất 01 căn nhà cấp 4b và công trình phụ có giá trị 101.906.752đ.

Tổng cộng 1.923.587.121đ tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất nên mỗi bên phải nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Tuy nhiên ông C yêu cầu nhận phần tài sản ông đang sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất có nhà, công trình phụ, máy xay xát lúa giá trị (490.000.000đ + 350.000.000đ + 57.102.100đ + 28.033.296đ + 25.000.000đ = 950.135.396đ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ông C phù hợp cần chấp nhận: Giao cho ông C quản lý sử dụng thửa đất 284, thửa 518, thửa 314, tài sản trên đất nhà và công trình phụ, máy xay xát lúa có giá trị 950.135.396đ (ông C đang quản lý 03 giấy chứng nhận thửa đất 284, 518, 314); Tại buổi làm việc bà N trình bày bà và ông C thoả thuận việc chia tài sản, hiện tại bà đang quản lý 02 giấy chứng nhận thửa đất 388, 642 và đang sử dụng thửa đất thửa đất 388, 642. Ông C đề nghị giao bà N thửa đất 642 và thửa đất 388 và tài sản trên đất nhà, công trình phụ có giá trị (750.000.000đ + 101.906.752đ + 121.545.000đ = 973.451.725đ). Hội đồng xét xử xét thấy cần giao bà N đang quản lý sử dụng thửa đất 642 và thửa đất 388 và tài sản trên đất nhà là phù hợp.

Đối với số tiền chênh lệch chia tài sản chung bà N nhận cao hơn ông C23.316.329đ ông C không yêu cầu bà N thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tài sản thẩm định, định giá trên đất thửa đất 284, 518, 314 có 16 cây gỗ xưa trên đất ông C không yêu cầu định giá và nhà kho 1, nhà kho 2, 01 nhà xây lúa xây dựng năm 2021 trị giá còn lại 238.047.520đ ông C không yêu cầu chia, bà N được triệu tập làm việc nhưng không tham gia, không có ý kiến gì đối với tài sản. Hội đồng xét xử không xem xét tài sản 16 cây gỗ xưa, nhà kho 1, nhà kho 2, nhà xây lúa.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên đề nghị Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông C và bà N theo quy định pháp luật, Chi cục thi hành án không có yêu cầu nên không xem xét.

Đối với trình bày ông L M N yêu cầu chia tài sản chung 05 thửa đất cho các con, ông không yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định và định giá tài sản ông Cảnh tự nguyện chịu không yêu cầu bà Nga phải thanh toán lại hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn ông C trình bày sau ly hôn không có nợ chung, đối các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân đã giải quyết tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn nên không xem xét.

[7] Về án phí: Ông C và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 29, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014
Căn cứ Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông L Q C.

Giao cho ông L Q C được quyền sử dụng thửa đất 284, tờ bản đồ số 10 diện tích 400m² đất ở nông thôn 300m² đất trồng lúa nước 100m², số sổ BI756517 cấp ngày 10/5/2012 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp; Thửa đất 518 tờ bản đồ số 10 diện tích 300m² trong đó đất ở nông thôn 100m² đất trồng lúa nước 200m² số sổ BN718532 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp ngày 01/6/2013; Thửa đất 314 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.543,3m² đất trồng lúa nước số sổ BI 756516 do ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên cấp ngày 10/5/2012. Và tài sản trên đất nhà ở cấp 4, công trình phụ, máy xay xát gạo, địa chỉ các thửa đất tại thôn Nghĩa Thịnh, xã Tư Nghĩa nay là thôn 3, xã Quảng Ngãi, Cát Tiên, Lâm Đồng. Tổng giá trị tài sản 950.135.396đ (chín trăm năm mươi triệu một trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Giao cho bà N T N được quyền sử dụng thửa đất 642, tờ bản đồ số 10 diện tích 3285m² đất trồng lúa còn lại, số sổ DA827820 do sở tài nguyên môi trường cấp ngày 23/12/2020 (hợp từ các thửa 312, 311, 332) địa chỉ thửa đất xã Quảng Ngãi, Cát Tiên, Lâm Đồng; Thửa đất số 388 tờ bản đồ số 30 diện tích 150m² đất ở đô thị, số sổ BI756823 do ủy ban nhân dân huyện cấp, địa chỉ thửa đất thị trấn Cát Tiên, Cát Tiên, Lâm Đồng và tài sản trên đất nhà cấp bốn và công trình phụ. Tổng giá trị tài sản là 973.451.725đ (chín trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm năm mươi một ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Ông C và bà N có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Ông L Q C phải chịu án phí chia tài sản trên tài sản nhận là 40.504.061đ (bốn mươi triệu năm trăm linh bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.550.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005193 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Ông L Q C còn phải tiếp tục nộp số tiền 16.954.061đ (mười sáu triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng); Bà N T N phải chịu án phí chia tài sản chung trên tài sản nhận là 41.203.551đ (bốn mươi một triệu hai trăm linh ba ngàn năm trăm năm mươi một đồng)

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Cát Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Thanh Thúy

